

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Quyết định số: 03/2025/DS-ST

Ngày: 17-9-2025

V/v: “Tranh chấp di sản thừa kế,
yêu cầu tuyên bố văn bản công
chứng vô hiệu, yêu cầu công nhận
di chúc hợp pháp và yêu cầu chia
tài sản thuộc sở hữu chung”.

**QUYẾT ĐỊNH CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG
SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Châu Thạch

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Quang Tùng

Ông Trương Văn Nhân

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Tâm - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng:** Bà Nguyễn Thị Thu Hà
- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 17 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng; xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 109/2022/TLST-DS ngày 09 tháng 12 năm 2022 về tranh chấp: “Di sản thừa kế, yêu cầu tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu, yêu cầu công nhận di chúc hợp pháp và yêu cầu chia tài sản thuộc sở hữu chung”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 160/2024/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 5 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 192/2025/QĐ-ST ngày 29/8/2025; Thông báo về việc mở lại phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án Dân sự số 458/TB-ST ngày 06/8/2025 giữa các đương sự:

- Đồng nguyên đơn:

1. Ông Lại Thế C, sinh năm: 1957; cư trú tại tổ A, Phường B B, tỉnh Lâm Đồng, vắng mặt.

2. Ông Lại Thế L, sinh năm: 1961; cư trú tại số A, đường P, Phường A B, tỉnh Lâm Đồng, vắng mặt.

3. Ông Lại Thế P, sinh năm: 1962; cư trú tại số I, đường T, phường B, tỉnh Lâm Đồng, vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp: Bà Đinh Thị Kim L1, sinh năm: 1970; địa chỉ: số D, đường P, xã Đ, tỉnh Lâm Đồng, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số 4114, quyền số 05/2022 TP/CC-SCC/HĐGD do chứng Văn phòng công chứng 24h chứng nhận ngày 21/11/2022), có mặt.

- *Đồng bị đơn:*

1. Bà Lại Thị Ngọc Đ, sinh năm: 1964; cư trú tại số A, đường T, phường B, tỉnh Lâm Đồng, có mặt.

2. Bà Lại Thị Thu T, sinh năm: 1968; cư trú tại số A, đường T, phường B, tỉnh Lâm Đồng, có mặt.

3. Ông Lại Thế T1, sinh năm: 1966; cư trú tại số A, đường T, phường B, tỉnh Lâm Đồng, vắng mặt.

4. Bà Lại Thị X, sinh năm: 1972; cư trú tại số B, tổ A, khu phố B, phường T (nay là phường T), Thành phố Hồ Chí Minh, có mặt.

Người đại diện hợp pháp của bà Đ, bà T, ông T1, bà X: Bà Nguyễn Thị Thúy L2, sinh năm: 1967; địa chỉ: số G, đường L, phường L - Đ, tỉnh Lâm Đồng, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số 2094, quyền số 01/2023TP/CC-SCC/HĐGG do Văn phòng C4 chứng nhận ngày 25/4/2024), có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Đ, bà T, ông T1, bà X:

+ Luật sư Đinh Văn S, sinh năm: 1974; địa chỉ: số E, đường P, xã D, tỉnh Lâm Đồng. Luật sư của Công ty L7, Chi nhánh L8 – Đoàn Luật sư tỉnh Lâm Đồng, vắng mặt.

+ Luật sư Nguyễn Sơn L3, sinh năm: 1981; địa chỉ: số I, đường T, xã T, Thành phố Hồ Chí Minh. Luật sư của Công ty L9 - Đoàn Luật sư Thành phố H, có mặt.

5. Bà Lại Thị Kim C1 (Lai Thi Kim C2), sinh năm: 1954; địa chỉ: G, A, M, on L5r3p2, Canada, vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp: Bà Đỗ Lê Cẩm H, sinh năm: 1997; địa chỉ liên lạc: số D, đường P, xã Đ, tỉnh Lâm Đồng, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số 248, quyền số 04/2024/TP/CC-SCC/HĐGG do Phòng C5 tỉnh Lâm Đồng chứng nhận ngày 05/4/2024), có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Lại Thị Kim L4 (Lai Ly K), sinh năm: 1959; địa chỉ: A R, L.70510, USA, vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp: Bà Đỗ Lê Cẩm H, sinh năm: 1997; địa chỉ liên lạc: số D, đường P, xã Đ, tỉnh Lâm Đồng, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số 249, quyền số 04/2024/TP/CC-SCC/HĐGG do Phòng C5 tỉnh Lâm Đồng chứng nhận ngày 05/4/2024), có mặt.

2. Bà Lại Thị Kim C3 (Kim L5), sinh năm: 1956; địa chỉ: D S S, S, MO 631169-4545, USA, vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp: Bà Đỗ Lê Cẩm H, sinh năm: 1997; địa chỉ liên lạc: số D, đường P, xã Đ, tỉnh Lâm Đồng, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số 247, quyền số 04/2024/TP/CC-SCC/HĐGG do Phòng C5 tỉnh Lâm Đồng chứng nhận ngày 05/4/2024), có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo nội dung đơn khởi kiện ghi ngày 15/11/2022 của ông Lại Thế C, ông Lại Thế L, ông Lại Thế P, lời trình bày tại các bản tự khai và trong quá trình tham gia tố tụng của bà Đinh Thị Kim L1, người đại diện theo ủy quyền của ông C, ông L, ông P, thì: cụ Lại Thế L6, sinh năm: 1917, chết ngày 29/12/1991 và cụ Nguyễn Thị N, sinh năm: 1932, chết ngày 26/10/2012; trước khi chết hai cụ không để lại di chúc.

Quá trình chung sống cụ L6, cụ N có 10 người con gồm: Bà Lại Thị Ngọc Đ, ông Lại Thế T1, bà Lại Thị Thu T, bà Lại Thụ X1, bà Lại Thị Kim C1, ông Lại Thế C, ông Lại Thế L, ông Lại Thế P, bà Lại Thị Kim L4, bà Lại Thị Kim C3, ngoài ra cụ L6, cụ N không có người vợ, người chồng, không có con riêng và con nuôi nào khác.

Trong thời gian chung sống cụ L6, cụ N có tạo lập khối di sản chung bao gồm:

Quyền sử dụng đất có diện tích 1.812m² thuộc thửa 148a + 147, tờ bản đồ số G.160.I.B tọa lạc tại số A, đường T, phường L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, quyền sử dụng đất ở 4205050172 do Ủy ban nhân dân tỉnh L cấp ngày 01/10/1999 và quyền sử dụng đất có tổng diện tích 17.651 m² thuộc các thửa 156, 214, 148, 146, 145, tờ bản đồ G.160 I.D và G.160 I.B tọa lạc tại phường L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng số L014857 do Ủy ban nhân dân thị xã B, tỉnh Lâm Đồng cấp ngày 11/11/1997, theo đo đạc thực tế sau khi trừ lộ giới là 18.063,6m².

Năm 1991 cụ L6 chết, ông C, ông L, ông P và các đồng bị đơn vẫn chung sống trên phần đất đang tranh chấp hiện nay để chăm sóc cụ N và canh tác trên các thửa đất này. Đến khi cụ N chết thì ông C, ông L, ông P mới ra ở riêng nhưng vẫn thường xuyên về quản lý đất và thăm nom nhà hương hỏa.

Ngày 07/6/2018 bà Đ, bà T, ông T1, bà X1 tự ý tiến hành khai nhận di sản thừa kế đối với các quyền sử dụng đất nêu trên dựa vào “Bản ghi chép di chúc đề ngày 08/3/2000” được lập tại Phòng C6 tỉnh Lâm Đồng (nay là Văn phòng C7). Do nghi ngờ tính xác thực của di chúc, vì vậy các ông đã làm đơn tố cáo hành vi trái pháp luật của bà Đ, bà T, ông T1, bà X1 đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố B, tỉnh Lâm Đồng. Ngày 29/01/2021 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố B ban hành Thông báo kết quả giải quyết đơn tố cáo số 136/ĐTTH với nội dung

“Chữ ký, chữ viết ghi tên Nguyễn Thị N trên Bản ghi chép di chúc đề ngày 08/3/2000 so với chữ ký, chữ viết ghi họ tên Nguyễn Thị N trên các văn bản đối chiếu khác không phải do một người ký ra”.

Như vậy có cơ sở khẳng định di chúc này vô hiệu. Tuy nhiên vào ngày 07/6/2018 bà Đ, bà T, ông T1, bà X1 tiến hành khai nhận di sản thừa kế và lập “Văn bản nhận tài sản thừa kế theo di chúc” được Văn phòng C8 (nay là Văn phòng C7) chứng nhận số 7516, văn bản khai nhận di sản này đã bỏ qua quyền thừa kế của ông Lại Thế C, ông Lại Thế L, ông Lại Thế P và các đồng thừa kế khác. Ông C, ông L, ông P đã nhiều lần thỏa thuận về khối di sản cha mẹ để lại nhưng bà Đ, bà T, ông T1, bà X1 không thống nhất.

Do vậy, ông C, ông L, ông P có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

+ Tuyên bố “Bản ghi chép di chúc” ngày 08/3/2000 của cụ Nguyễn Thị N do Phòng C6 tỉnh Lâm Đồng (nay là Văn phòng C7) chứng nhận ngày 08/3/2000 và “Văn bản nhận tài sản thừa kế theo di chúc” do Văn phòng C8 (nay là Văn phòng C7) chứng số 7516 ngày 07/6/2018 là vô hiệu.

+ Phân chia khối di sản nói trên của cụ L6, cụ N để lại theo quy định của pháp luật, ông Lại Thế C yêu cầu nhận bằng hiện vật và thanh toán giá trị cho các đồng thừa kế.

- Theo nội dung đơn yêu cầu phản tố ghi ngày 06/5/2024 của bà Lại Thị Ngọc Đ, bà Lại Thị Thu T, ông Lại Thế T1, bà Lại Thị X, lời trình bày tại các bản tự khai và trong quá trình tham gia tố tụng của bà Nguyễn Thị Thúy L2, người đại diện theo ủy quyền của bà Đ, bà T, ông T1, bà X, thì: Về diện và hàng thừa kế của cụ L6, cụ N thì bị đơn thống nhất như nguyên đơn đã trình bày. Về nguồn gốc quyền sử dụng đất có diện tích 1.812m², thuộc thửa 148a + 147; tờ bản đồ số G.160.I.B tọa lạc tại số A T, phường L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng nhà ở và quyền sử dụng đất ở 4205050172 do Ủy ban nhân dân tỉnh L cấp ngày 01/10/1999 và quyền sử dụng đất có tổng diện tích 17.651m², thuộc các thửa 156, 214, 148, 146, 145, tờ bản đồ G.160 I.D và G.160 I.B tọa lạc tại phường L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng số L014857 do Ủy ban nhân dân thị xã B, tỉnh Lâm Đồng cấp ngày 11/11/1997, theo đo đạc thực tế sau khi trừ lộ giới là 18.063,6m², bị đơn thừa nhận là do cụ L6, cụ N tạo lập nên.

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc tuyên bố “Bản ghi chép di chúc” đề ngày 08/3/2000 của cụ Nguyễn Thị N lập tại Văn phòng C9 Lâm Đồng (nay là Văn phòng C7) và “Văn bản nhận tài sản thừa kế theo di chúc” số 7516 lập ngày 07/6/2018 tại Văn phòng C8 là vô hiệu thì các ông, bà không đồng ý vì bản ghi chép di chúc là thật vì được lập tại Phòng C10 tỉnh Lâm Đồng, đúng ý chí của cụ N, do vậy bà Đ, bà T, ông T1 và bà X yêu cầu công nhận một phần bản di chúc của cụ

Nguyễn Thị N do Phòng C6 (cũ) tỉnh Lâm Đồng chứng nhận ngày 08/3/2000 có hiệu lực pháp luật; phân chia tài sản chung của cụ Nguyễn Thị N và cụ Lại Thế L6 là diện tích đất theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 4205050172 với diện tích là 1.812m² và diện tích đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số L014857 với diện tích là 17.656m²; chia di sản của cụ N theo di chúc ngày 08/3/2000 đối với phần diện tích đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sử dụng đất số 4205050172 cho bà Đ, bà T, ông T1, bà X; bốn chị em được nhận $\frac{1}{2}$ di sản thừa kế của cụ N là 906m² (1.812m²/2) và phần diện tích đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số L014857 cho bà Đ, bà T, ông T1, bà X; bốn chị em được nhận $\frac{1}{2}$ di sản thừa kế của cụ N là 8.828m² (17.656m²/2); chia di sản thừa kế của ông Lại Thế L6 theo quy định của pháp luật.

- Theo đơn yêu cầu phản tố ghi ngày 04/4/2024 của bà Lại Thị Kim C1, lời trình bày tại các bản tự khai và trong quá trình tham gia tố tụng của bà Đỗ Lê Cẩm H, người đại diện theo ủy quyền của bà C1 thì: Bà C1 thống nhất về quan hệ huyết thống và di sản thừa kế mà nguyên đơn đã trình bày.

Đồng thời, bà C1 có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết phân chia di sản thừa kế của cụ L6, cụ N1 để lại gồm diện tích quyền sử dụng đất 1.812m² thuộc thửa 148a, 147, tờ bản đồ số G.160.I.B tọa lạc tại số A, đường T, phường L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 4205050172 ngày 01/10/1999, mỗi người được hưởng 181,2m² là phần di sản thừa kế; phân chia diện tích đất 17.651m², thuộc tờ bản đồ số G.160.I.D và G.160 I.B tọa lạc tại phường L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số L014857 ngày 11/11/1997 theo quy định của pháp luật, yêu cầu được nhận theo tỷ lệ 1/10 của di sản để lại và xin nhận bằng giá trị.

- Theo đơn yêu cầu độc lập ghi ngày 04/4/2024 của bà Lại Thị Kim C3, Lại Thị Kim L4, lời trình bày tại các bản tự khai và trong quá trình tham gia tố tụng của bà Đỗ Lê Cẩm H, người đại diện theo ủy quyền của bà C3 và bà L4, thì: Bà C3, bà L4 thống nhất về quan hệ huyết thống và di sản thừa kế mà nguyên đơn đã trình bày.

Đồng thời bà C3, bà L4 có đơn yêu cầu độc lập đề nghị Tòa án giải quyết: Phân chia di sản thừa kế của cụ L6, cụ N để lại gồm diện tích quyền sử dụng đất 1.812m², thuộc thửa 148a, 147, tờ bản đồ số G.160.I.B tọa lạc tại số A, đường T, phường L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 4205050172 ngày 01/10/1999, mỗi người được hưởng 181,2m² là phần di sản thừa kế. Phân chia diện tích đất 17.651m², thuộc tờ bản đồ số G.160.I.D và G.160 I.B tọa lạc tại phường L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số L014857 ngày 11/11/1997 theo quy định của pháp luật, yêu cầu được nhận theo tỷ lệ 1/10 của di sản để lại và xin nhận bằng giá trị.

- Theo lời trình bày của bà Phạm Thị T2, người đại diện hợp pháp của Văn phòng C7, thì: cụ Nguyễn Thị N đã tự nguyện lập di chúc để lại toàn bộ phần quyền

sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất cho bà Lại Thị Ngọc Đ, ông Lại Thế T1, bà Lại Thị X căn cứ theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 42050550172 ngày 01/10/1999 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số L014857 ngày 11/11/1997 là đúng quy định của pháp luật.

Về nguyên tắc chứng thực văn bản, hợp đồng của công chứng viên dựa theo trên cơ sở ý chí tự nguyện giữa người yêu cầu công chứng. Theo hồ sơ lưu tại Văn phòng gồm giấy tờ chứng minh quyền tài sản, giấy tờ về nhân thân (kèm theo toàn bộ hồ sơ công chứng liên quan đến việc chứng nhận Văn bản nhận tài sản thừa kế theo di chúc nêu trên).

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không thành.

Tại phiên tòa,

Các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án, cụ thể: ông Lại Thế C thanh toán số tiền 160.000.000.000đ cho bà Lại Thị Ngọc Đ, bà Lại Thị Thu T, ông Lại Thế T1, bà Lại Thị X (phần mỗi người là 40.000.000.000đ); bà Đ, bà T, ông T1, bà X đồng ý giao toàn bộ nhà và quyền sử dụng đất theo kết quả đo đạc thực tế (sau khi trừ lộ giới) có tổng diện tích là 18.063,6m² theo họa đồ đo đạc do Công ty trách nhiệm hữu hạn N3 thực hiện ngày 26/7/2025 cho ông Lại Thế C. Trong quá trình thi hành án thì ông C được quyền vào thăm nom và chăm sóc vườn. Bà Đ, bà T và ông T1 được quyền lưu cư trong căn nhà tọa lạc trên diện tích đất tranh chấp cho đến khi ông C thanh toán xong số tiền nói trên. Sau khi ông C thanh toán số tiền 160.000.000.000đ nói trên thì bà X có trách nhiệm trả lại cho ông C bản chính Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 42050550172 ngày 01/10/1999 mang tên cụ Nguyễn Thị N, cụ Lại Thế L6 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số L014857 ngày 11/11/1997 mang tên cụ Nguyễn Thị N cho ông C. Ông C được quyền liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục sang tên theo quy định. Đối với các kỷ phần của các đồng thừa kế còn lại thì bà L1 và bà H thống nhất giao cho ông C quản lý; sau này ông C sẽ có trách nhiệm thanh toán cho các đồng thừa kế tương ứng với kỷ phần được hưởng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng phát biểu về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng. Về nội dung: do tại phiên tòa các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án nên đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận của đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xuất phát từ việc ông Lại Thế C, ông Lại Thế L, ông Lại Thế P có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết tuyên bố “Bản ghi chép di chúc” ghi ngày 08/3/2000 của cụ Nguyễn Thị N do Văn phòng C9 tỉnh Lâm Đồng (nay là Văn phòng C7) chứng nhận ngày 08/3/2000 và “Văn bản nhận tài sản thừa kế theo di chúc” do Văn

phòng C8 (nay là Văn phòng C7) công chứng số 7516 ngày 07/6/2018 là vô hiệu. Phân chia khối di sản nói trên của cụ L6, cụ N để lại theo quy định của pháp luật. Bà Lại Thị Ngọc Đ, bà Lại Thị Thu T, ông Lại Thế T1, bà Lại Thị X không đồng ý đồng thời có yêu cầu phản tố đề nghị công nhận một phần bản di chúc của cụ N có hiệu lực pháp luật; phân chia tài sản chung giữa cụ Nguyễn Thị N với cụ Lại Thế L6; chia thừa kế cho bà Đ, bà T, ông T1, bà X theo di chúc ngày 08/3/2000; chia di sản thừa kế của cụ Lại Thế L6 theo quy định của pháp luật. Đồng thời những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ L6, cụ N theo quy định của pháp luật.

- Vì vậy, cần xác định quan hệ tranh chấp của vụ án là “*Tranh chấp di sản thừa kế, yêu cầu tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu, yêu cầu công nhận di chúc hợp pháp và yêu cầu chia tài sản thuộc sở hữu chung*” theo quy định tại các khoản 3, 5 Điều 26, Điều 34 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 thì việc giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- Quá trình giải quyết vụ án Tòa án xác định Văn phòng công chứng Phạm Thị T2 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Tuy nhiên, căn cứ tiểu mục 3 Mục IV Công văn 02/TANDTC-PC ngày 02/8/2021 của Tòa án nhân dân tối cao thì trong vụ án này không cần thiết phải đưa Văn phòng công chứng Phạm Thị T2 tham gia tố tụng trong vụ án này.

[2] Qua xem xét thì thấy rằng:

[2.1] Về quan hệ huyết thống: Cụ Lại Thế L6 (chết ngày 29/12/1991) và cụ Nguyễn Thị N (chết ngày 26/10/2012) là vợ chồng. Quá trình chung sống cụ L6, cụ N sinh được 10 người con gồm: Bà Lại Thị Kim C1, sinh năm: 1954; bà Lại Thị Kim C3 (L), sinh năm: 1956; ông Lại Thế C, sinh năm: 1957; bà Lại Thị Kim L4 (Lai Ly K), sinh năm: 1959; ông Lại Thế L, sinh năm: 1961; ông Lại Thế P, sinh năm: 1962; bà Lại Thị Ngọc Đ, sinh năm: 1964; ông Lại Thế T1, sinh năm: 1966; bà Lại Thị Thu T, sinh năm: 1968 và bà Lại Thị X, sinh năm: 1972. Ngoài ra, cụ L6, cụ N không có người vợ, người chồng, không có con riêng hay con nuôi nào khác; cha mẹ của hai cụ đã chết từ trước.

Bị đơn cùng những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án đều thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn về mối quan hệ huyết thống và những người thừa kế thuộc diện, hàng thừa kế thứ nhất của vợ chồng cụ L6, cụ N; thời điểm chết của hai cụ, không có tranh chấp về hàng, diện thừa kế. Do đó, căn cứ Điều 92 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 thì đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh.

- Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 25 Pháp lệnh thừa kế ngày 30 tháng 8 năm 1990 thì cụ Nguyễn Thị N, bà Lại Thị Ngọc Đ, ông Lại Thế T1, bà Lại Thị Thu T, bà Lại

Thị X, bà Lại Thị Kim C1, ông Lại Thế C, ông Lại Thế L, ông Lại Thế P, bà Lại Thị Kim L4, bà Lại Thị Kim C3 là những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ Lại Thế L6.

- Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 676 Bộ luật Dân sự năm 2005 thì bà Lại Thị Ngọc Đ, ông Lại Thế T1, bà Lại Thị Thu T, bà Lại Thị X, bà Lại Thị Kim C1, ông Lại Thế C, ông Lại Thế L, ông Lại Thế P, bà Lại Thị Kim L4, bà Lại Thị Kim C3 là những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ Nguyễn Thị N.

[2.2] Xét về di sản thừa kế: Các đương sự thừa nhận quá trình chung sống cụ L6 và cụ N có tạo lập được một số tài sản chung bao gồm: quyền sử dụng đất 1.812m² thuộc thửa 148a + 147, tờ bản đồ số G.160.I.B tọa lạc tại số A, đường T, phường L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng được Ủy ban nhân dân thị xã B cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất số 4205050172 ngày 01/10/1999 và quyền sử dụng đất 17.651m² thuộc tờ bản đồ số G.160.I.D và G.160 I.B tọa lạc tại phường L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng được Ủy ban nhân dân thị xã B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số L014857 ngày 11/11/1997.

Năm 1991 cụ L6 chết không để lại di chúc; đến năm 2012 khi cụ N chết có để lại “Bản ghi chép di chúc” ghi ngày 08/3/2000. Do cho rằng di chúc này là giả mạo nên các bên phát sinh tranh chấp. Do vậy cần căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để giải quyết yêu cầu của các đương sự.

[2.3] Xét thấy, qua xem xét nội dung “Bản ghi chép di chúc” được Văn phòng C7 (trước đây là Phòng C6 tỉnh Lâm Đồng) chứng nhận ngày 08/3/2000 thể hiện nội dung “Tôi là chủ sở hữu căn nhà số A đường T, phường L, thành phố B. Nhà cấu trúc tường gạch, mái ngói, nền gạch men, diện tích xây dựng 629m², diện tích sử dụng là 629m², quyền sử dụng đất ở 1.812m², đất nông nghiệp là 1.7651m². Nhà và đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 4205050172 ngày 01/10/1999, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số L014857 ngày 11/11/1997. Nay tuổi cao, sức yếu tôi lập di chúc để chỉ định người thừa kế tài sản sau khi tôi qua đời.

Các con tôi đều đã lớn khôn trưởng thành và đã có tài sản riêng, nay chỉ còn bốn con 01 trai và 03 gái đang chung sống cùng tôi tại căn nhà tại số A, đường T, phường L, thị xã B, tỉnh Lâm Đồng. Tôi quyết định trao toàn bộ số tài sản trên gồm con gái Lại Thị Ngọc Đ, con trai Lại Thế T1, con gái Lại Thị Thu T, con gái Lại Thị X. Sau khi tôi qua đời 04 con tôi Đ, T1, T, X được quyền quản lý, sử dụng và định đoạt khối tài sản này. Khi tôi còn sống 04 con được thừa hưởng tài sản trên có nghĩa vụ chăm sóc nuôi dưỡng tôi lúc khỏe mạnh cũng như lúc đau ốm, khi tôi qua đời 04 con có tên trên có nghĩa vụ lo ma chay, mồ mả, tôi đã đọc lại và công nhận rằng bản ghi chép này hoàn toàn đúng như ý nguyện của tôi và được lập thành 02 bản có nội dung giống hệt nhau. Tôi giữ 01 bản và lưu tại phòng C10 tỉnh Lâm Đồng 01

bản..., phía dưới có chữ ký và ghi họ tên Nguyễn Thị N, điểm chỉ, có chứng nhận của Phòng C6 tỉnh Lâm Đồng ngày 08/3/2000”.

Theo nguyên đơn trình bày thì trước khi chết cụ N không để lại di chúc, sau khi cụ N chết thì ngày 07/6/2018 bà Đ, bà T, ông T1, bà X tự ý tiến hành khai nhận di sản thừa kế đối với các quyền sử dụng đất nêu trên dựa vào “bản ghi chép di chúc đề ngày 08/3/2000” được lập tại Phòng C10 tỉnh Lâm Đồng (nay là Văn phòng C7). Do nghi ngờ tính xác thực của di chúc nên các đồng nguyên đơn đã làm đơn tố cáo đến cơ quan điều tra Công an thành phố B. Theo lời trình bày của bà Đ, bà T, ông T1, bà X thì trước khi chết cụ N để lại di chúc là thật vì di chúc được lập tại Phòng C6 tỉnh Lâm Đồng, đây là ý chí của cụ N.

Xét thấy về tính hợp pháp của di chúc được Phòng công chứng nhà nước số 02 tỉnh Lâm Đồng chứng nhận ngày 08/3/2000 thì thấy rằng: tại Kết luận giám định số 254/GĐ-PC09 ngày 29/4/2021 của Phòng K1, Công an tỉnh L đã kết luận: “...*Chữ ký, chữ viết ghi họ tên Nguyễn Thị N trên Bản ghi chép di chúc đề ngày 08/3/2000 so với chữ ký, chữ viết ghi họ tên Nguyễn Thị N trên Bản khai nhân khẩu đề tên Nguyễn Thị N đề ngày 11/01/1977 không phải do cùng một người ký và viết ra. Chữ ký, chữ viết ghi họ tên Nguyễn Thị N trên Bản ghi chép di chúc đề ngày 08/3/2000 so với chữ ký, chữ viết ghi họ tên Nguyễn Thị N trên Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đề tên Nguyễn Thị N (người sang nhượng) đề ngày 15/01/2001 không phải do cùng một người ký và viết ra...*”.

Ngoài ra, tại Thông báo kết quả giải quyết đơn tố cáo số 136/ĐTTH ngày 29/01/2021 của Cơ quan cảnh sát Điều tra Công an thành phố B đã kết luận: “...*có cơ sở xác định việc người khác viết thêm ngày, tháng, năm chết của ông Lại Thế L6 (dòng chữ 25/12/1989) trong Giấy chứng tử số 323/HT/LS ngày 30/12/1991 của Ủy ban nhân dân xã L (nay là UBND phường L) đã cấp cho gia đình ông Lại Thế L6 vào ngày 30/12/1991 là có thật. Ngày 05/01/2021, đã thu thập được bản gốc Giấy chứng tử nêu trên. Đây là tài liệu do Cơ quan Nhà nước cấp, do đó hành vi viết thêm ngày chết của ông L6 trong giấy chứng tử trên (làm giả một phần nội dung tài liệu) có dấu hiệu của tội Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức quy định tại Điều 341 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra Kết luận giám định xác định chữ ký trong Bản ghi chép di chúc mang tên Nguyễn Thị N ngày 08/3/2000 so với một số mẫu chữ viết đã thu thập được không cùng một người viết và ký ra. Hành vi viết thêm ngày, tháng, năm chết của ông Lại Thế L6 trong Giấy chứng tử số 323/HT/LS ngày 30/12/1991 của UBND xã L (nay là UBND phường L) đã cấp cho gia đình ông Lại Thế L6 vào ngày 30/12/1991 có dấu hiệu của tội Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức quy định tại Điều 341 Bộ luật Hình sự (trước đây là Điều 267 Bộ luật Hình sự năm 1999)...*”.

Như vậy, xét về mặt nội dung thì Bản di chúc nói trên có thể hiện việc cụ N để lại di sản cho 04 người con là bà Lại Thị Ngọc Đ, bà Lại Thị Thu T, bà Lại Thị X

và ông Lại Thế T1. Tuy nhiên, tại thời điểm lập di chúc thì cụ N không có quyền định đoạt toàn bộ khối tài sản chung với cụ L6, do cụ L6 chết không để lại di chúc nên ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các đồng thừa kế khác. Đồng thời, về mặt hình thức thì bản di chúc gồm 02 trang, trong đó trang đầu tiên (có phần nội dung phân chia di sản để lại) không đánh số thứ tự, không có chữ ký hoặc điểm chỉ của người lập di chúc. Theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 655 của Bộ luật Dân sự năm 1995 quy định “1. Di chúc được coi là hợp pháp phải có đủ các điều kiện sau đây: a) Người lập di chúc minh mẫn, sáng suốt trong khi lập di chúc; không bị lừa dối, đe dọa hoặc cưỡng ép; b) Nội dung di chúc không trái pháp luật, đạo đức xã hội; hình thức di chúc không trái quy định của pháp luật”. Tại khoản 2 Điều 656 của Bộ luật Dân sự năm 1995 quy định: “2- Di chúc không được viết tắt hoặc viết bằng ký hiệu; nếu di chúc gồm nhiều trang, thì mỗi trang phải được đánh số thứ tự và có chữ ký hoặc điểm chỉ của người lập di chúc”.

Bên cạnh đó, tại Kết luận giám định của Phòng K1 Công an tỉnh L đã khẳng định “Chữ ký, chữ viết ghi họ tên Nguyễn Thị N trên Bản ghi chép di chúc đề ngày 08/3/2000 so với chữ ký, chữ viết ghi họ tên Nguyễn Thị N trên Bản khai nhân khẩu đề tên Nguyễn Thị N đề ngày 11/01/1977 không phải do cùng một người ký và viết ra” nên bản di chúc này vô hiệu ngay từ thời điểm xác lập. Vì vậy, bị đơn yêu cầu công nhận một phần hiệu lực di chúc này là không có căn cứ mà cần chia di sản thừa kế của cụ L6 và cụ N theo pháp luật mới phù hợp.

[3] Tại phiên tòa hôm nay, các đương sự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án, cụ thể như sau:

- Ông Lại Thế C có trách nhiệm thanh toán số tiền 160.000.000.000đ cho bà Lại Thị Ngọc Đ, bà Lại Thị Thu T, ông Lại Thế T1, bà Lại Thị X (phần mỗi người là 40.000.000.000đ).

- Các đương sự thống nhất giao toàn bộ lô đất có diện tích 18.063,6m² thuộc các thửa 148a + 147, tờ bản đồ số G.160.I.B và các thửa 156, 214, 148, 146, 145 tờ bản đồ số G.160.I.D và G.160.I.B; một phần thửa 1502, 1503 tọa lạc tại phường L (nay là phường B), tỉnh Lâm Đồng theo họa đồ đo đạc do Công ty trách nhiệm hữu hạn N3 thực hiện ngày 26/7/2025 và tài sản trên đất cho ông Lại Thế C quản lý, sở hữu, sử dụng.

Đối với các kỷ phần của các đồng thừa kế còn lại thì thống nhất giao cho ông C quản lý; sau này ông C sẽ có trách nhiệm thanh toán cho các đồng thừa kế tương ứng với kỷ phần được hưởng khi có yêu cầu.

- Các đương sự thống nhất trong quá trình thi hành án thì ông C được quyền vào thăm nom và chăm sóc vườn.

- Sau khi ông C thanh toán số tiền 160.000.000.000đ nói trên thì bà X có trách nhiệm trả lại cho ông C bản chính Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền

sử dụng đất ở số 42050550172 ngày 01/10/1999 mang tên cụ Nguyễn Thị N, cụ Lại Thế L6 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số L014857 ngày 11/11/1997 mang tên cụ Nguyễn Thị N2 cho ông C.

- Bà Đ, bà T và ông T1 được quyền lưu cư trong căn nhà tọa lạc trên diện tích đất tranh chấp cho đến khi ông C thanh toán xong số tiền nói trên.

Xét thấy, việc thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện; nội dung thỏa thuận không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội nên cần công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

[4] Tạm giao phần diện tích đất thuộc lộ giới cho ông C quản lý, sử dụng, khi nhà nước có chủ trương thu hồi thì thực hiện theo quy định của Luật Đất đai.

[5] Về chi phí tố tụng:

Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, đo vẽ và thẩm định giá, chi phí ủy thác tư pháp là 385.176.920đ (đã nộp và được Tòa án đã quyết toán xong). Nguyên đơn đồng ý nhận chịu toàn bộ chi phí này nên cần ghi nhận.

[6] Về án phí: Lẽ ra ông Lại Thế C phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm. Tuy nhiên, do ông Lại Thế C, sinh năm: 1957, tính đến thời điểm xét xử đã trên 60 tuổi theo quy định tại Điều 2 Luật Người cao tuổi nên cần miễn toàn bộ án phí Dân sự sơ thẩm cho ông C theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Bà Lại Thị Thu T, ông Lại Thế T1, bà Lại Thị X phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm trên giá trị tài sản được nhận là 40.000.000.000đ {148.000.000đ; (112.000.000đ + 0,1% x 36.000.000.000đ)}.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các khoản 3, 5 Điều 26, Điều 34, điểm a khoản 1 Điều 37, các Điều 153, 154, 157, 158 165, 166, 244, 246 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;
- Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 25 Pháp lệnh thừa kế ngày 30 tháng 8 năm 1990;
- Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 676 Bộ luật Dân sự năm 2005;
- Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 8 Điều 26, các điểm a, b khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự; cụ thể như sau:

1. Xác định hàng thừa kế:

1.1. Xác định hàng thừa kế thứ nhất của cụ Lại Thế L6 là cụ Nguyễn Thị N, bà Lại Thị Ngọc Đ, ông Lại Thế T1, bà Lại Thị Thu T, bà Lại Thị X, bà Lại Thị Kim C1, ông Lại Thế C, ông Lại Thế L, ông Lại Thế P, bà Lại Thị Kim L4, bà Lại Thị Kim C3.

1.2. Xác định hàng thừa kế thứ nhất của cụ Nguyễn Thị N gồm bà Lại Thị Ngọc Đ, ông Lại Thế T1, bà Lại Thị Thu T, bà Lại Thị X, bà Lại Thị Kim C1, ông Lại Thế C, ông Lại Thế L, ông Lại Thế P, bà Lại Thị Kim L4, bà Lại Thị Kim C3.

2. Xác định lô đất thuộc các thửa 148a + 147; tờ bản đồ số G.160.I.B và các thửa 156, 214, 148, 146, 145, tờ bản đồ G.160 I.D và G.160 I.B; một phần thửa 1502, 1503 tọa lạc tại phường L (nay là phường B) tỉnh Lâm Đồng có diện tích theo đo đạc thực tế (sau khi trừ lộ giới) 18.063,6m² là di sản thừa kế của cụ Lại Thế L6, cụ Nguyễn Thị N để lại.

3. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

3.1. Ông Lại Thế C có trách nhiệm thanh toán cho bà Lại Thị Ngọc Đ, bà Lại Thị Thu T, ông Lại Thế T1, bà Lại Thị X mỗi người 40.000.000.000đ (bốn mươi tỷ đồng).

3.2. Ông Lại Thế C được quyền sở hữu, sử dụng căn nhà trên đất và tài sản gắn liền với đất và toàn bộ lô đất có diện tích 18.063,6m² thuộc các thửa 148a + 147, tờ bản đồ số G.160.I.B và các thửa 156, 214, 148, 146, 145 tờ bản đồ số G.160.I.D và G.160.I.B; một phần thửa 1502, 1503 tọa lạc tại phường L (nay là phường B), tỉnh Lâm Đồng.

(Có họa đồ đo đạc hiện trạng sử dụng đất do Công ty trách nhiệm hữu hạn N3 thực hiện ngày 26/7/2025 kèm theo).

3.3. Sau khi thanh toán xong số tiền nói trên cho bà Lại Thị Ngọc Đ, bà Lại Thị Thu T, ông Lại Thế T1, bà Lại Thị X thì:

- Ông Lại Thế C được quyền liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục đăng ký kê khai, cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà, quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

- Bà Lại Thị X có trách nhiệm trả lại cho ông Lại Thế C bản chính Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 42050550172 ngày 01/10/1999 mang tên cụ Nguyễn Thị N, cụ Lại Thế L6 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số L014857 ngày 11/11/1997 mang tên cụ Nguyễn Thị N2 để ông C làm thủ tục đăng ký, kê khai theo quy định.

Trường hợp đương sự không thực hiện việc giao hai Giấy chứng nhận nói trên thì cơ quan có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật Đất đai năm 2024.

3.4. Bà Đ, bà T và ông T1 được quyền lưu cư trong căn nhà tọa lạc trên diện tích đất tranh chấp cho đến khi ông C thanh toán xong số tiền nói trên. Sau khi ông C thanh toán xong số tiền nói trên thì bà Đ, bà T và ông T1 có trách nhiệm giao lại toàn bộ tài sản nói trên cho ông C quản lý, sử dụng.

3.5. Trong quá trình thi hành án thì ông Lại Thế C được quyền vào thăm nom và chăm sóc, tu bổ quyền sử dụng đất nói trên.

4. Tạm giao cho ông Lại Thế C quản lý, sử dụng diện tích 13,5m² đất lộ giới và 629m² nằm trong ruộng nước tại phường L (nay là phường B), tỉnh Lâm Đồng, khi nhà nước có chính sách thu hồi thì phải thực hiện theo quy định của Luật Đất đai.

5. Giao kỹ phần di sản thừa kế mà bà Lại Thị Kim C1, ông Lại Thế L, ông Lại Thế P, bà Lại Thị Kim L4, bà Lại Thị Kim C3 được hưởng cho ông Lại Thế C quản lý; sau này ông C sẽ có trách nhiệm thanh toán cho các đồng thừa kế tương ứng với kỹ phần được hưởng.

6. Về chi phí tố tụng:

Ông Lại Thế C tự nguyện chịu 385.176.920đ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, đo vẽ và thẩm định giá, chi phí ủy thác tư pháp (đã nộp và được Tòa án đã quyết toán xong).

7. Về án phí:

- Miễn toàn bộ án phí Dân sự sơ thẩm cho ông Lại Thế C và bà Lại Thị Ngọc Đ.

- Bà Lại Thị X phải chịu 148.000.000đ án phí Dân sự sơ thẩm; được trừ vào số tiền 61.653.450đ tạm ứng án phí Dân sự sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008965 ngày 17/6/2024 của Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Lâm Đồng (nay là Thi hành án Dân sự tỉnh Lâm Đồng, bà Nguyễn Thị Thúy L2 nộp thay). Bà X còn phải nộp 86.346.550đ án phí Dân sự sơ thẩm còn thiếu.

- Bà Lại Thị Thu T phải chịu 148.000.000đ án phí Dân sự sơ thẩm; được trừ vào số tiền 61.653.450đ tạm ứng án phí Dân sự sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008963 ngày 17/6/2024 của Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Lâm Đồng (nay là Thi hành án Dân sự tỉnh Lâm Đồng, bà Nguyễn Thị Thúy L2 nộp thay). Bà T còn phải nộp 86.346.550đ án phí Dân sự sơ thẩm còn thiếu.

- Ông Lại Thế T1 phải chịu 148.000.000đ; được trừ vào số tiền 61.653.450đ tạm ứng án phí Dân sự sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008964 ngày 17/6/2024 của Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Lâm Đồng (nay là Thi hành án Dân sự tỉnh Lâm Đồng, bà Nguyễn Thị Thúy L2 nộp thay). Ông T1 còn phải nộp 86.346.550đ án phí Dân sự sơ thẩm còn thiếu.

- Bà Lại Thị Kim C1 không phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm; bà C1 được nhận lại số tiền 36.000.000đ tạm ứng án phí Dân sự sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008876 ngày 04/4/2024 của Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Lâm Đồng (nay là Thi hành án Dân sự tỉnh L).

- Bà Lại Thị Kim L4 không phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm; bà L4 được nhận lại số tiền 36.000.000đ tạm ứng án phí Dân sự sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008877 ngày 04/4/2024 của Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Lâm Đồng (nay là Thi hành án Dân sự tỉnh L).

- Bà Lại Thị Kim C3 không phải chịu án phí Dân sự; bà C3 được nhận lại số tiền 36.000.000đ tạm ứng án phí Dân sự sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008878 ngày 04/4/2024 của Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Lâm Đồng (nay là Thi hành án Dân sự tỉnh L).

8. Về nghĩa vụ thi hành án:

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Tòa phúc thẩm TANDTC tại Tp. Hồ Chí Minh (01);
- VKSND tỉnh Lâm Đồng (01);
- Phòng Gđ, Ktr, Ttr & THA (01);
- THADS tỉnh Lâm Đồng (01);
- Đương sự (10);
- Lưu: bộ phận lưu trữ, hồ sơ vụ án (03).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Huỳnh Châu Thạch